

## DAO ĐỘNG BIÊN ĐỘ HỢP

## TÂM ĐIỂM THỊ TRƯỜNG

## Triển vọng tích cực của ngành Công nghệ thông tin trong năm 2025

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), điện toán đám mây, dữ liệu lớn (big data), và Internet vạn vật (IoT) đang mở ra những cơ hội mới cho các doanh nghiệp và tổ chức. Việc ứng dụng các công nghệ này giúp tối ưu hóa quy trình, nâng cao hiệu quả công việc, tiết kiệm chi phí và tạo ra giá trị mới.

Với sự phát triển của thương mại điện tử, ngân hàng trực tuyến, và các dịch vụ kỹ thuật số khác, ngoài ra thu nhập có phần cải thiện nên nhu cầu chi tiêu cho công nghệ chuyển đổi số không ngừng tăng lên, đặc biệt trong các ngành có tính cạnh tranh cao.

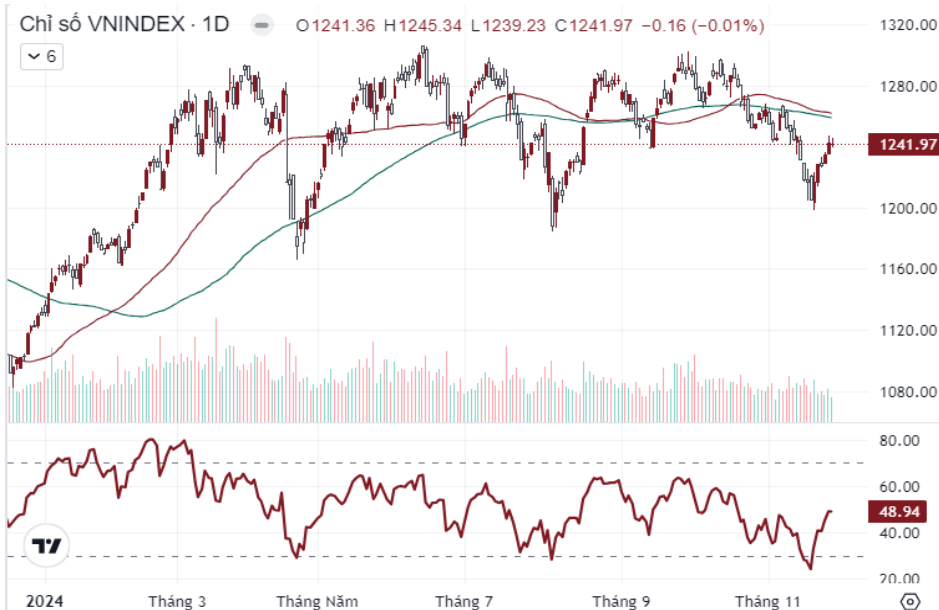
## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

## Xu hướng VN-INDEX ngắn hạn

VN-Index giảm 0,16 điểm trong phiên 27/11 kết phiên ở mức 1.241,97 điểm. Thanh khoản giảm 25,44% so với phiên giao dịch ngày 26/11. Khối ngoại tiếp tục mua ròng gần 355 tỷ đồng trên HOSE.

Thị trường có khả năng tiếp tục dao động trong vùng 1.230 - 1.250 trong phiên giao dịch ngày 28/11. VN-Index có phiên giao dịch tích lũy trong vùng 1.235-1.245 với thanh khoản thấp. Khối ngoại tiếp tục mua ròng, góp phần củng cố xu hướng tăng của thị trường. Dù lực cầu giá thấp thận trọng trong phiên, nhưng áp lực bán thấp chưa đủ để phá vỡ xu hướng hồi phục ngắn hạn của chỉ số. Tuy nhiên, thị trường có thể sẽ phân hóa và xuất hiện nhịp rung lắc do áp lực bán gia tăng khi chỉ số tiếp cận mốc 1.250 điểm. Vùng 1.230 điểm là vùng hỗ trợ và hoạt động mua giá thấp sẽ rõ rệt hơn tại đây.

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VNINDEX



Chỉ báo	RSI14	MFI	MA10	MA20	MA50	MA100
Giá trị	48,94	38,12	1.226,45	1.239,46	1.261,75	1.258,80
Hành động	Quan sát	Quan sát	Mua	Mua	Quan sát	Quan sát

## CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

CMG

Khuyến nghị: **Mua**

TP: 63.800 VND | UPSIDE: +18%

## Chiến lược hành động

**MUA:** NĐT tận dụng những nhịp rung lắc trong phiên để giải ngân từng phần ở những cổ phiếu thu hút được dòng tiền và dư địa tăng đáng kể từ vùng hỗ trợ.

**BÁN:** NĐT duy trì tỷ trọng hợp lý, xem xét cơ cấu danh mục các mã yếu hơn thị trường chung để bảo vệ lợi nhuận, canh bản chốt lời một phần danh mục khi VN-Index tiến tới ngưỡng kháng cự 1.245-1.250 điểm.

## Tổng quan thị trường

Thị trường	Giá trị	%Δ
<b>VN-Index</b>		
Đóng cửa	1.241,97	-0,01
KLCP (triệu CP)	428,81	-25,44
GTGD (tỷ VND)	11.356	-14,61
Khớp lệnh	9.264	-17,49
Thỏa thuận	2.092	27,71
<b>HNX-Index</b>		
Đóng cửa	223,09	-0,27
KLCP (triệu CP)	33,62	-28,49
GTGD (tỷ VND)	571,6	9,00
<b>UPCoM</b>		
Đóng cửa	91,96	-0,11
KLCP (triệu CP)	44,55	23,54
GTGD (tỷ VND)	950,67	26,10

**Diễn biến TTCK Mỹ:** Cổ phiếu giảm trong phiên giao dịch nhẹ vào thứ Tư khi các nhà đầu tư đã cắt giảm bớt sau mức tăng lớn vào tháng 11. S&P 500 giảm 0,38% xuống 5.998,74, chấm dứt chuỗi bảy ngày tăng điểm. Nasdaq giảm 0,6% và đóng cửa ở mức 19.060,48. Dow Jones giảm 138,25 điểm, tương đương 0,31%, đóng cửa ở mức 44.722,06, đảo ngược hướng đi sau khi tăng hơn 140 điểm ở mức cao nhất trong phiên.

**Thế giới:** Hãng tin IANS dẫn báo cáo của một trong những công ty tài chính hàng đầu Ấn Độ cho biết, tổng mức đầu tư vào nền kinh tế nước này trong 10 năm qua đã đạt 8.000 tỷ USD, chiếm hơn một nửa tổng vốn đầu tư 14.000 tỷ USD kể từ khi Ấn Độ giành độc lập vào năm 1947. Nền kinh tế Ấn Độ được dự đoán sẽ thu hút thêm 8.000 tỷ USD nữa trong 5 năm tới. Báo cáo cho rằng các biện pháp của chính phủ nhằm phục hồi nền kinh tế sau đại dịch COVID-19 là yếu tố quan trọng giúp Ấn Độ ghi nhận đà tăng trưởng này. Bên cạnh đó, báo cáo nhấn mạnh một nguyên nhân góp phần tạo nên khả năng thu hút vốn đầu tư mạnh mẽ của Ấn Độ là đà tăng trưởng Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) ổn định và sự gia tăng sức cạnh tranh của các nhà sản xuất trong nước trên thị trường toàn cầu.

**Việt Nam:** Với tốc độ phát triển hàng năm đạt từ 14 - 16%, ngành logistics Việt Nam là một trong những ngành dịch vụ tăng trưởng nhanh và ổn định nhất Việt Nam trong thời gian qua. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, tính chung cả năm 2023, kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt mức 681 tỷ USD, bằng 158% GDP cả nước. 10 tháng năm 2024, kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt 648 tỷ USD, tăng 15,9% so với cùng kỳ năm trước. Đáng chú ý, trong giai đoạn 2022 - 2024 vừa rồi, đã có hàng trăm nghìn tỷ đồng của chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội đã được đầu tư vào các dự án quan trọng, dự án trọng điểm và một phần không nhỏ trong số này đã được đưa vào hệ thống hạ tầng giao thông. Đây là hệ thống huyết mạch của nền kinh tế cũng như huyết mạch của ngành dịch vụ logistics.

**Tỷ giá USD/VND:** Tỷ giá tự do giảm xuống quanh mức 25.385.

**Dầu:** Giá dầu thô tương lai WTI giảm xuống còn 68,30 USD/thùng vào thứ Tư, đánh dấu ngày giảm thứ ba liên tiếp, khi các nhà giao dịch phản ứng với báo cáo mới nhất của Cơ quan Thông tin Năng lượng (EIA) và cân nhắc các diễn biến địa chính trị cũng như các quyết định sắp tới của OPEC+.

**DIG:** Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng (DIC Corp) đã thông qua điều chỉnh phương án sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Theo đó, DIC Corp quyết định nâng mức thanh toán chi phí xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại dự án Khu dân cư thương mại Vị Thanh lên 1.156 tỷ đồng, tương đương tăng 461 tỷ đồng so với phương án trước đó. Đối với dự án Cap Saint Jacquet (CSJ), Công ty giữ nguyên phương án sử dụng vốn 535 tỷ đồng cho giai đoạn 2 và 600 tỷ đồng cho giai đoạn 3. Theo đó, tổng ngân sách dành cho hai dự án tăng lên 2.561 tỷ đồng, tương đương 170,7 triệu cổ phiếu. Để hoàn thành được phương án, DIC Corp cần chào bán tối thiểu 70% số cổ phiếu, tương ứng 119,5 triệu cổ phiếu. Phần còn lại, 439 tỷ đồng công ty dùng thanh toán cho lô trái phiếu DIGH2124003, dự kiến thực hiện trong quý IV/2024 đến quý I/2025. So với phương án trước đó, DIC Corp đã cắt giảm khoản thanh toán 461 tỷ đồng cho lô trái phiếu DIGH2124002.

**TPB:** Thông tin từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank) vừa công bố kết quả phát hành trái phiếu mã TPBL2434027. Theo đó, mã TPBL2434027 gồm 2.095 trái phiếu, mệnh giá 100 triệu đồng/trái phiếu. Qua đó, giá trị phát hành là 209,5 tỷ đồng. Ngày phát hành là 21/11/2024, kỳ hạn 10 năm, đáo hạn ngày 21/11/2034. Lãi suất 6,88%/năm. Kể từ đầu năm đến nay, TPBank đã phát hành 27 lô trái phiếu, kỳ hạn 3-10 năm, lãi suất dao động 4,9 - 6,88%/năm. Song song với việc phát hành, ngân hàng này cũng tích cực chi tiền mua lại trái phiếu trước hạn. Cụ thể, ngày 21/11/2024, TPBank mua lại 341,5 tỷ đồng lô trái phiếu TPBL2333007, đưa giá trị còn lại của lô trái phiếu này về mức 28 tỷ đồng.

**Chứng khoán thế giới**

Thị trường	Điểm số	%Δ	YTD
SP500	5.998,74	-0,38	25,76
DJIA	44.722,06	-0,31	18,66
Nasdaq	19.060,48	-0,60	26,97
Shanghai	3.309,78	1,53	11,26
Hang Seng	19.063,13	-0,50	11,82

**Thị trường hàng hóa**

Chỉ số	Giá (USD)	%Δ	YTD
Vàng	2.637,61	0,22	27,88
Dầu WTI	68,73	-0,17	-4,08
Dầu Brent	72,86	-0,11	-5,43
Than	141,00	0,00	-3,69
Đồng	4,0714	0,40	4,92
Quặng sắt	102,60	0,58	-24,76
Thép	454,13	0,27	-17,62

**Thị trường ngoại tệ**

Chỉ số	Giá (USD)	%Δ	YTD
DXY	106,06	-0,76	4,61
USD/JPY	151,13	-1,32	7,14
USD/CNY	7,2446	-0,18	1,68
EUR/USD	1,0567	0,73	-4,25
GBP/USD	1,2675	0,84	-0,42

**Top đột phá khối lượng (tỷ VND)**

Mã CP	Giá trị	Giá	%Δ
POW	162,16	12,55	1,62
FPT	1.358,07	138,90	2,74
DCM	344,20	36,95	-2,89
VOS	49,34	15,55	2,98
PVT	71,88	26,80	-1,65

**Top giá trị giao dịch (tỷ VND)**

Mã CP	Giá trị	Giá	%Δ
FPT	1.358,07	138,90	2,74
DCM	344,20	36,95	-2,89
MWG	297,46	60,20	0,33
DPM	232,13	35,50	-2,34
SSI	227,64	24,30	-1,22

# CMG

(HOSE)

**Khuyến nghị**

**Mua**

Giá hiện tại (27/11/2024)

**54.000**

Giá mục tiêu

**63.800**

Tiềm năng tăng trưởng

**18%-20%**

Vùng mua

**52.800-54.000**

**Ngưỡng cắt lỗ**

**<50.700**

## LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

Lũy kế 9T2024, CMG đạt doanh thu 5.627 tỷ đồng (+4,4% svck) và LNST đạt 187,8 tỷ đồng (-3,4% svck). Qua đó, hoàn thành 64% kế hoạch doanh thu và 46% kế hoạch lợi nhuận sau thuế

Mở rộng thị trường quốc tế với việc khai trương văn phòng tại Hàn Quốc, văn phòng thứ ba tại Nhật Bản, và chuẩn bị mở rộng sang thị trường Mỹ và châu Âu. Các bước đi chiến lược này không chỉ giúp tăng trưởng doanh thu từ thị trường quốc tế mà còn củng cố vị thế của CMC trên bản đồ công nghệ toàn cầu.

Trong lĩnh vực hạ tầng số, Data Center Tân Thuận của CMC đã đạt chứng chỉ Uptime Tier III đầu tiên tại Việt Nam về vận hành, với doanh thu dịch vụ tăng trưởng hơn 32% so với cùng kỳ. CMC Cloud cũng ghi nhận mức tăng trưởng 54%, một thành tựu đáng chú ý trong bối cảnh nhu cầu về các giải pháp điện toán đám mây đang gia tăng mạnh mẽ.

Kế hoạch mở rộng AI DC: CMC sau khi có cơ hội bắt tay với gã công nghệ khổng lồ NVIDIA CMC đã có kế hoạch mở rộng AI DC tại Khu Công nghệ cao TP.HCM với quy mô lớn 40MW, đảm bảo sẵn sàng hạ tầng AI Cloud cũng như hạ tầng Cloud riêng cho từng khách hàng, thông qua đó giúp cộng đồng AI có hạ tầng và môi trường phát triển ứng dụng.

Đặt ra mục tiêu đầy tham vọng đó là đến năm 2028 trở thành một tập đoàn công nghệ số và AI tiêu chuẩn quốc tế, với doanh thu vượt mốc 1 tỷ USD và tốc độ tăng trưởng bình quân hơn 20%/năm. Quy mô nhân sự dự kiến sẽ vượt 10.000 người; trong đó, 40% sẽ là các chuyên gia trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

CMG đang tích cực lấy lại các mốc MA ngắn hạn, đồng thời các chỉ báo MFI, RSI nằm trong vùng tích lũy cho tín hiệu mua an toàn. Cần quan sát thêm diễn biến thị trường để có điểm mua phù hợp.



## Thông tin doanh nghiệp

Phân ngành ICB L2	Công nghệ Thông tin
Biến động giá 1Y	37.900-70.600
KLGDQ 10D (CP)	2.477.310
Vốn hóa (tỷ đồng)	10.281,46
BVPS	14.377
P/E (lần)	32,31
P/B (lần)	3,76
EPS (VND)	1.671,11
SL CPLH (triệu CP)	190,40
Tỷ lệ free-float (%)	45,00
Tỷ lệ sở hữu NĐTNN (%)	38,33
ROA (%)	4,35
ROE (%)	11,88

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
Xu hướng ngày	-	Tăng
Xu hướng tuần	-	Đi ngang
Xu hướng tháng	-	Đi ngang
RSI 14	50,75	Mua
MFI	64,11	Mua
MA10	54,75	Quan sát
MA20	54,22	Quan sát
MA50	52,68	Mua
MA100	53,28	Mua

## DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+ / -
<b>Danh mục theo dõi</b>										
1	VRE	Theo dõi	17,8-18,1			20.000	17.000			

### Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua

1	LPB	Nắm giữ	31,2-31,7	25/10/2024	31.700	35.000	29.850			1,9%
2	DGC	Nắm giữ	106-108	06/11/2024	107.400	124.000	103.000			-0,5%
3	MSN	Nắm giữ	70,4-71,5	11/11/2024	71.300	79.000	67.400			2,0%
4	QNS	Nắm giữ	48,6-49,0	18/11/2024	49.000	55.000	46.400			3,9%
5	PDR	Nắm giữ	20,6-21,0	20/11/2024	19.900	24.000	19.800			7,0%
6	POW	Nắm giữ	11,2-11,5	21/11/2024	11.300	13.000	11.000			11,1%
7	VHC	Nắm giữ	72,6-73,4	21/11/2024	70.500	82.500	69.400			2,4%
8	CTG	Nắm giữ	33,2-33,7	21/11/2024	33.600	36.800	31.900			4,6%
9	VOS	Nắm giữ	14,1-14,8	25/11/2024	14.800	17.000	13.800			5,1%
10	VCG	Nắm giữ	16,8-17,2	25/11/2024	17.500	19.300	16.100			0,0%
11	HPG	Nắm giữ	25,6-26,0	25/11/2024	26.000	29.600	24.500			1,2%
12	VNM	Nắm giữ	63,3-64,0	26/11/2024	64.400	72.200	60.500			0,3%
13	KBC	Nắm giữ	27,1-27,6	27/11/2024	27.500	31.500	26.000			1,8%



## DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+ / -
1	FPT	Chốt lời	118,0-124,0	06/8/24	120.000	149.000	113.000	18/10/24	137.700	14,2%
2	QNS	Chốt lời	47-47,7	23/9/2024	48.000	54.500	45.000	18/10/24	49.700	3,1%
3	PAN	Chốt lời	23,4-23,6	04/10/2024	23.000	26.000	22.300	18/10/24	24.400	6,5%
4	DGW	Cắt lỗ	45,0-46,0	17/10/2024	45.600	51.400	43.200	22/10/24	45.300	-0,7%
5	VHC	Chốt lời	69,5-70,3	09/10/2024	70.500	78.200	67.000	24/10/24	72.900	3,4%
6	KBC	Cắt lỗ	27-27,6	18/10/2024	27.500	33.300	25.900	24/10/24	26.400	-4,0%
7	CTD	Chốt lời	63,2-64,2	21/10/2024	63.400	70.000	60.600	24/10/24	67.800	6,9%
8	SAB	Cắt lỗ	55,6-57,2	26/9/2024	57.500	65.000	53.800	25/10/24	56.000	-2,6%
9	IDC	Chốt lời	55-55,7	23/10/2024	53.800	63.800	52.650	05/11/24	55.700	3,5%
10	HAH	Chốt lời	41,2-42	28/10/2024	42.000	46.800	39.500	08/11/24	46.500	10,7%
11	MWG	Chốt lời	63,1-63,7	16/10/2024	64.300	69.300	60.300	11/11/24	65.000	1,09%
12	VGI	Chốt lời	69,0-72,0	06/11/2024	72.000	82.700	67.000	11/11/24	89.500	24,3%
13	TCB	Cắt lỗ	24,2-24,6	17/10/2024	24.100	26.600	23.200	12/11/24	23.400	-2,9%
14	SZC	Chốt lời	37,6-38,3	23/10/2024	38.100	42.500	36.400	12/11/24	42.700	12,1%
15	HDG	Chốt lời	26,0-27,0	06/11/2024	27.550	31.000	25.200	12/11/24	28.600	3,8%
16	VCI	Chốt lời	35-35,5	31/10/2024	34.300	41.200	33.500	14/11/24	34.700	1,2%
17	DBC	Chốt lời	27,4-28	31/10/2024	27.700	32.000	26.300	14/11/24	28.000	1,1%
18	NKG	Cắt lỗ	20,8-21,2	08/11/2024	21.050	24.000	19.900	14/11/24	20.000	-1,2%
19	DRI	Chốt lời	11,8-12,0	21/11/2024	11.800	13.800	11.200	26/11/24	12.800	8,5%
20	DPM	Chốt lời	34,3-34,7	11/11/2024	33.400	37.400	32.800	27/11/24	36.600	9,6%

Email: [research@lpbs.com.vn](mailto:research@lpbs.com.vn)

Website: [Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank \(lpbs.com.vn\)](http://Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank (lpbs.com.vn))

Mở tài khoản LPBS tại:



### Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê tại báo cáo này được LPBS lập dựa trên nguồn thông tin chính thống và đáng tin cậy tại thời điểm LPBS phát hành báo cáo. Báo cáo được lập với mục đích cung cấp thông tin khái quát về thị trường, dự báo và cảnh báo được sử dụng làm thông tin tham khảo trong nội bộ LPBS và thông tin tham khảo cho nhà đầu tư.

Các ý kiến tại báo cáo được đưa ra sau khi đã được cẩn thận xem xét kỹ càng dựa trên những thông tin mà cá nhân chúng tôi đánh giá là tốt nhất tại thời điểm thu nhập được. Báo cáo này có giá trị tham khảo và không nên được giải như một lời đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. LPBS được miễn trừ trách nhiệm đối với thiệt hại hoặc sự kiện bị coi là thiệt hại do sử dụng nội dung trong báo cáo này.

Bản quyền báo cáo thuộc về LPBS, mọi hành vi trích dẫn, sao chép, sửa đổi, phát hành báo cáo là vi phạm bản quyền nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của LPBS.